

**TRƯỜNG ĐH KT-HC CAND
PHÒNG QL NCKH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **182** /BC-P7

Bắc Ninh, ngày **12** tháng 11 năm 2015

V/v chỉnh sửa, bổ sung Quy định
quy đổi giờ nghiên cứu khoa học

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu;
- Lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường.

Ngày 23/10/2013 Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND đã ký Quyết định số 1284/QĐ-T36-P7 ban hành Quy định quy đổi giờ nghiên cứu khoa học cho các chức danh giảng dạy, huấn luyện tại Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND;


Từ khi có Quyết định nêu trên, phong trào nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình và tài liệu của cán bộ, giáo viên Nhà trường đã có nhiều chuyển biến tích cực, việc tính thành tích NCKH được thực hiện công khai, minh bạch.

Tuy nhiên để Quy định quy đổi giờ NCKH đảm bảo sát với yêu cầu thực tiễn và phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường. P7 kính đề nghị Ban Giám hiệu cho phép P7 lấy ý kiến góp ý của lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường về Quy định trên và gửi về P7 trước ngày 26/11/2015 (Đ/c Đặng Minh Ngọc) để P7 tập hợp trình Ban Giám hiệu ban hành Quy định mới phù hợp hơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P7.

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Đại úy Lê Thế Anh

TRƯỜNG ĐH KT-HC CAND
PHÒNG QL NCKH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **153** /BC-P7

Bắc Ninh, ngày **29** tháng 9 năm 2015

V/v chỉnh sửa, bổ sung Quy định
quy đổi giờ nghiên cứu khoa học

Duyệt

un
29.9.2015

Kính gửi: Ban Giám hiệu.

Ngày 23/10/2013 Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND đã ký Quyết định số 1284/QĐ-T36-P7 ban hành Quy định quy đổi giờ nghiên cứu khoa học cho các chức danh giảng dạy, huấn luyện tại Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND;

Từ khi có Quyết định nêu trên, phong trào nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình và tài liệu của cán bộ, giáo viên Nhà trường đã có nhiều chuyển biến tích cực, việc tính thành tích NCKH được thực hiện công khai, minh bạch.

Ngày 21/4/2014 Tổng cục III có Văn bản số 4071/X11-X14 về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Để cập nhật nội dung văn bản trên, đồng thời điều chỉnh bổ sung một số nội dung cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường. P7 kính đề nghị Ban Giám hiệu phê duyệt bổ sung, chỉnh sửa một số điều khoản của Quy định quy đổi giờ nghiên cứu khoa học, cụ thể như sau:

1. Khoản a, Điểm 1, Điều 5:

1.1. Mục 2: Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học (01 đề tài hoặc 01 chuyên đề)

Cấp tham dự	Xếp loại				Ghi chú
	Đạt	Khá	Tốt	Xuất sắc	
Cấp Trường	60	70	80	90	Theo Văn bản hướng dẫn số 4071/X11-X14
Cấp Bộ, cấp Quốc gia	80	90	100	110	

(57)

BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐH KT - HC CAND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1284/QĐ-T36-P7

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quy đổi giờ nghiên cứu khoa học cho các chức danh giảng dạy, huấn luyện tại Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - HẬU CẦN CAND

Căn cứ Quyết định số 4756/QĐ - BCA ngày 24/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND;

Căn cứ Thông tư số 57/2010/TT - BCA ngày 14/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định chế độ làm việc của các chức danh giảng dạy, huấn luyện trong các học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 05/2009/TT- BCA-X11 ngày 18/02/2009 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về nghiên cứu khoa học của sinh viên các học viện, trường đại học Công an nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 722/QĐ-T36-P7 ngày 25/6/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quy đổi giờ nghiên cứu khoa học cho các chức danh giảng dạy, huấn luyện tại Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quy định ban hành kèm theo Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các đồng chí Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu khoa học, Trưởng các Khoa, Bộ môn, Phòng, Trung tâm và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- X14 (để b/c);
- BGH (để c/d);
- Các Khoa, Bộ môn (để t/h);
- Các Phòng, Trung tâm (để p/h);
- Lưu: VT, P7.



Đại tá, TS. Nguyễn Đăng Tiến

QUY ĐỊNH

Quy định giờ nghiên cứu khoa học cho các chức danh giảng dạy, huấn luyện tại
Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1284 / QĐ-T36-P7 ngày 23 tháng 10 năm 2013
của Hội đồng Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND)



Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Văn bản này quy định về các sản phẩm khoa học được tính giờ nghiên cứu khoa học (NCKH); định mức quy đổi giờ NCKH và cách thức tổ chức thực hiện tại Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND.

2. Đối tượng áp dụng: Văn bản này áp dụng đối với các chức danh giảng dạy: Giáo sư, Phó Giáo sư, Giảng viên chính, Giảng viên, Trợ giảng; Giáo viên cao cấp trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), Giáo viên chính TCCN, Giáo viên TCCN, Huấn luyện viên cao cấp, Huấn luyện viên chính, Huấn luyện viên (sau đây gọi chung là giáo viên) của Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND.

Điều 2. Mục đích của quy đổi giờ NCKH

1. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ NCKH của các chức danh giảng dạy, huấn luyện.

2. Làm cơ sở kiểm tra đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng cho các tập thể và cá nhân.

3. Làm căn cứ để xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm của các đơn vị.

Điều 3. Các hoạt động khoa học được tính giờ NCKH

Các hoạt động khoa học được tính giờ NCKH gồm:

1. Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài NCKH, phát triển công nghệ;

2. Biên soạn giáo trình, đề cương giáo trình; sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo; chuyên đề giảng dạy; hệ thống bài tập; phim giáo khoa; đề cương chi tiết học phần;

3. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam;

4. Viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước;

5. Tổ chức và tham gia các hội thảo khoa học của Khoa, Bộ môn; hướng dẫn học viên NCKH;

6. Thực hiện các hợp đồng NCKH, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội;

7. Tư vấn về chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của các giáo viên;

8. Tổ chức, tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ;

9. Tổ chức, tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về khoa học công nghệ.

Điều 4. Định mức giờ NCKH (tính theo năm học)

1. Định mức giờ NCKH theo các chức danh giảng dạy, huấn luyện được quy định cụ thể như sau:

a) Đối với các chức danh giảng dạy bậc đại học:

CHỨC DANH	ĐỊNH MỨC GIỜ NCKH
Giáo sư	700
Phó Giáo sư	600
Giảng viên chính	550
Giảng viên	500
Trợ giảng	400

b) Đối với các chức danh giảng dạy bậc trung cấp:

CHỨC DANH	ĐỊNH MỨC GIỜ NCKH
Giáo viên cao cấp TCCN	160
Giáo viên chính TCCN	120
Giáo viên TCCN	80

c) Đối với các chức danh giảng dạy, huấn luyện võ thuật, quân sự, thể dục thể thao (VTQS, TDDT) áp dụng chung cho cả đại học và trung cấp:

CHỨC DANH	ĐỊNH MỨC GIỜ NCKH
Giảng viên chính TDDT, Giáo viên cao cấp TCCN TDDT; Huấn luyện viên cao cấp VTQS	160
Giảng viên TDDT, Giáo viên chính TCCN TDDT; Huấn luyện viên chính VTQS	120
Trợ giảng TDDT, Giáo viên TCCN TDDT; Huấn luyện viên VTQS	60

2. Đối với giáo viên dạy nhiều bậc học trong Trường, định mức giờ NCKH của giáo viên được tính theo chức danh giảng dạy, huấn luyện đã được bổ nhiệm.

Chương II

QUY ĐỔI GIỜ NCKH

Điều 5. Quy đổi giờ NCKH của sản phẩm khoa học

1. Các sản phẩm khoa được quy đổi thành giờ NCKH như sau:

a) Tham gia các hoạt động NCKH

STT	Nội dung	Tổng số (giờ)	Chủ nhiệm đề tài, dự án (chủ tịch HĐ)	Thành viên đề tài, dự án (thành viên HĐ)
1	- Đề tài, dự án KHCN (01 đề tài)			
	+ Cấp Trường (cơ sở)		700	700/số thành viên
	+ Cấp Bộ/Tỉnh		1050	700
	+ Cấp Nhà nước		1575	1050
2	- Hướng dẫn sinh viên NCKH (01 đề tài hoặc 01 chuyên đề)			
	+ Cấp Trường	60		
	+ Cấp Bộ	80		
3	- Sáng kiến, cải tiến nội dung phương pháp dạy học, đồ dùng học tập (01 sáng kiến)	250		
4	- Bài báo đăng tạp chí khoa học liên quan đến chuyên môn (01 bài báo)			
	+ Đăng trên nội san T36	100		
	+ Đăng trên tạp chí trong nước (có chứng chỉ ISSN hoặc tương đương)	500		
	+ Đăng trên tạp chí nước ngoài (có chứng chỉ ISSN hoặc tương đương)	700		
5	- Viết bài tham luận (được đăng trên kỷ yếu hội thảo), (01 bài viết)			
	+ Tại hội thảo cấp Khoa, Bộ môn	50		
	+ Tại hội thảo khoa học cấp Trường	100		
	+ Tại hội thảo khoa học cấp Bộ	200		
	+ Tại hội thảo khoa học Quốc tế	300		
6	- Báo cáo viên tại hội thảo/hội nghị khoa học (01 báo cáo)			
	+ Cấp Khoa, Bộ môn	100		
	+ Cấp Trường	200		
	+ Cấp Bộ/tỉnh/ngành	300		
	+ Cấp Quốc tế	700		
7	- Báo cáo luận văn thạc sĩ (tại hội thảo khoa học cấp Khoa, Bộ môn)	200		
8	- Báo cáo luận án tiến sĩ (tại hội thảo khoa học cấp Khoa, Bộ môn)	300		
9	- Tham gia các Hội đồng khoa học (01 hội đồng)			

STT	Nội dung	Tổng số (giờ)	Chủ nhiệm đề tài, dự án (chủ tịch HĐ)	Thành viên đề tài, dự án (thành viên HĐ)
	+ Hội đồng khoa học cấp Nhà nước		70	50
	+ Hội đồng khoa học cấp Bộ		40	30
	+ Hội đồng khoa học cấp Trường		30	20

b) Tham gia các hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu:

STT	Nội dung	Số lượng, đơn vị tính	Giờ NCKH
1	- Biên soạn sách chuyên khảo hoặc sách hướng dẫn học viên học tập	01 sách	700
2	- Biên soạn giáo trình môn học (học phần)	01 học trình (tín chỉ)	550
3	- Chính lý hoặc biên dịch giáo trình môn học (học phần)	01 học trình (tín chỉ)	275
4	- Hiệu đính giáo trình, tài liệu	01 trang	2
5	- Biên soạn bộ bài tập - đáp án dạy học; bộ hỏi đáp phục vụ dạy học của 01 môn học (01 học phần)	01 bộ bài tập - đáp án; 01 bộ hỏi đáp	200
6	- Biên soạn tài liệu hướng dẫn thí nghiệm, sách hướng dẫn học tập (ít nhất 50 trang)	01 tài liệu	550
7	- Biên soạn tình huống dạy học, kèm các phương án xử lý.	01 tình huống	70
8	- Biên soạn tài liệu tham khảo (ít nhất 50 trang)	01 tài liệu	400
9	- Biên soạn tập bài giảng	01 học trình (tín chỉ)	275
10	- Biên soạn mới 1 trong 3 chuyên đề sau: + Chuyên đề chuyên sâu trong chương trình đào tạo; + Bồi dưỡng chức danh; + Bồi dưỡng nghiệp vụ.	01 chuyên đề	550
11	- Biên soạn ngân hàng đề thi và đáp án (Theo quy định hiện hành của Nhà trường)	01 bộ NHĐT và ĐA	700
12	- Biên soạn đề cương bài giảng + Đối với chức danh trợ giảng, giáo viên TCCN + Đối với các chức danh từ giảng viên trở lên	01 học trình (tín chỉ)	400 100
13	- Biên soạn giáo án bài giảng (chỉ áp dụng đối với trợ giảng, giáo viên TCCN)	01 giáo án bài giảng	400
14	- Xây dựng phim tư liệu giáo khoa (ít nhất 50 phút)	01 phim	700

STT	Nội dung	Số lượng, đơn vị tính	Giờ NCKH
15	- Xây dựng chương trình đào tạo (các bậc học và loại hình đào tạo), bồi dưỡng	01 chương trình	300
16	- Xây dựng chương trình môn học (học phần)	01 chương trình	150
17	- Xây dựng chương trình huấn luyện TDTT, QSVT, đánh giá theo hiệu quả thi đấu của học viên:		
	+ Huy chương cấp quốc gia	01 chương trình	200
	+ Huy chương cấp thành phố, bộ, ngành		100
18	- Biên soạn giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy huấn luyện TDTT, QSVT	01 học trình, tài liệu	160
20	- Biên dịch hoặc chỉnh lý giáo trình môn học (học phần) phục vụ giảng dạy TDTT	01 học trình	120
21	- Biên soạn hoặc biên tập tài liệu tham khảo phục vụ huấn luyện TDTT, QSVT	01 tài liệu	160
22	- Biên soạn giáo án bài giảng hoặc bài tập tình huống phục vụ giảng dạy môn học (học phần) TDTT, QSVT	01 giáo án, bài tập	60
23	- Giới thiệu giáo trình, tài liệu dạy học hoặc công trình khoa học tại hội thảo khoa học cấp Khoa, Bộ môn.	01 giáo trình, tài liệu, công trình khoa học	50

c) Cách quy đổi giờ NCKH đối với các sản phẩm biên soạn phân rõ chủ biên và thành viên tham gia (trừ Điểm a của Khoản này)

Nếu số thành viên tham gia là 01 người thì chủ nhiệm (chủ biên) được tính 60%, còn thành viên được tính 40% tổng số giờ tính cho 01 sản phẩm. Nếu số thành viên tham gia nhiều hơn 01 người thì chủ nhiệm (chủ biên) được tính 50% số giờ tính cho một sản phẩm, còn mỗi thành viên được tính bằng 50% tổng số giờ tính cho 01 sản phẩm chia đều.

2. Điều kiện quy đổi

a) Các sản phẩm khoa học có thời gian thực hiện ≤ 12 tháng: Chỉ quy đổi một lần khi nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên và đảm bảo tiến độ hoặc đã được đăng tải, công bố trên các ấn phẩm khoa học;

b) Đề tài cấp Bộ được quy đổi 2 lần, đề tài cấp Nhà nước được quy đổi 3 lần. Các sản phẩm khoa học công nghệ được quy đổi 1 lần/năm học. Lần quy đổi cuối cùng chỉ được thực hiện khi sản phẩm đã được nghiệm thu hoặc đã được đăng tải, công bố trên các ấn phẩm khoa học và trong thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Số giờ NCKH thực hiện trong năm học, nếu thừa so với định mức không được bảo lưu để tính cho năm học sau.

d) Các sản phẩm được tính giờ NCKH cần có các điều kiện sau:

- Đề tài khoa học phải có: bản thuyết minh, hợp đồng nghiên cứu và biên bản kiểm tra tiến độ, biên bản nghiệm thu đề tài.

- Bài viết phải có: bản photo bìa, mục lục, nội dung của bài viết được đăng.

- Biên soạn giáo trình, tài liệu phải có: hợp đồng biên soạn, quyết định ban hành giáo trình, tài liệu.

- Báo cáo, giới thiệu về tài liệu, luận văn, luận án phải có xác nhận kết quả báo cáo của đơn vị tổ chức và nội dung liên quan.

- Các đề cương bài giảng, giáo án bài giảng, chương trình môn học, chương trình huấn luyện QSVT phải đăng ký và được thẩm định trước Hội đồng, có xác nhận kết quả thẩm định của Hội đồng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của Phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học

Trưởng Phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy định trên; quản lý, theo dõi, xác nhận giờ NCKH của các Khoa, Bộ môn và từng giáo viên theo năm học để báo cáo Ban Giám hiệu.

Điều 7. Trách nhiệm của các Khoa, Bộ môn

Trưởng Khoa, Bộ môn căn cứ các quy định trên đây để tổ chức, hướng dẫn giáo viên đăng ký NCKH, biên soạn sách, giáo trình, tài liệu dạy học; tổ chức thẩm định, đánh giá, nghiệm thu các sản phẩm khoa học theo thẩm quyền; gửi sản phẩm khoa học kèm theo bản xác nhận, kết quả đánh giá và bản thống kê giờ NCKH của từng cá nhân thực hiện về Phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học trước khi đơn vị (Khoa, Bộ môn) bình xét thi đua năm học ít nhất 15 ngày.

Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp với thực tế, các Khoa, Bộ môn phản ánh bằng văn bản về Phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học để tập hợp, báo cáo Ban Giám hiệu xin ý kiến chỉ đạo bổ sung, sửa đổi. /s

HIỆU TRƯỞNG